

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2022
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên và ông Văn Anh Trình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Công Đ, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 19 tháng 9 năm 2022 được bổ sung tại bản tự khai và quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị và anh Trần Công Đ tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22-11-2021. Hai người đăng ký kết hôn nhưng chưa tổ chức lễ cưới giữa hai gia đình, vợ chồng chưa sống chung với nhau, tuy nhiên sau một thời gian đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai người không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không có tình cảm, không thể chung sống cùng nhau nên Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2022, Bị đơn anh Trần Công Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị K tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại

UBND xã A vào năm 2021, hai người chưa tổ chức lễ cưới. Sau một thời gian, vợ chồng không hiểu nhau, tình cảm xa cách không còn yêu thương nhau nên hai bên quyết định dừng lại. Do đó, việc chị K xin ly hôn anh Đ hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng chưa sống chung, chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Công Đ có địa chỉ thôn K, xã A, huyện Q. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Công Đ có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Công Đ đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Tuy hai vợ chồng chưa về sống chung cùng nhau nhưng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung; chị K và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung cùng nhau nên chị K xin ly hôn anh Đ hoàn toàn đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị K.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Công Đ trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Công Đ xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Trần Công Đ.

2. Về nuôi con chung: Không giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn chị K phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số 31AA/2021/0003902, ngày 10 tháng 10 năm 2022.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Công Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã A;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

